

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/HS-PT

Ngày: 5/2/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long
Ông Lê Phước Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 5 tháng 2 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 72/2017/TLPT-HS ngày 6 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thị H1, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2017/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Nguyễn Thị Thanh H; sinh năm 1962 tại Bình Định; Nơi cư trú: Số 09 đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Bác H (đã chết) và bà Tôn Thanh H; Chồng: Nguyễn Văn Th sinh năm 1960; Con: có 02 con (lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1987); Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 29/10/2015 bị TAND tỉnh Quảng Bình xử phạt 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 21/2015/HSST ngày 29/10/2015.

- Ngày 15/10/2015 bị cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra quyết định khởi tố bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2015; Có mặt.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Thị H1; Sinh năm 1959 tại Quảng Trị; Nơi cư trú: Khu phố X,

phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 10/10; Con ông Nguyễn Văn T (Liệt sỹ) và bà Trần Thị Ng; Chồng: Hoàng Văn T sinh năm 1959; Con: có 01 con sinh năm 1983; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2015; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh H:** Ông Nguyễn Văn P, Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đinh Tiên H2; sinh năm 1964;
Trú tại: Tổ dân phố số X2, phường H, thị xã H, Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Ông Lê Đình T; sinh năm 1985;

Trú tại: Thôn H, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- **Người bị hại:**

1. Bà Trần Thị S1; sinh năm 1965; Có mặt.

Trú tại: Thôn C, xã H, huyện H1, tỉnh Quảng Trị.

2. Bà Nguyễn Thị H3; sinh năm 1966; Có mặt.

Trú tại: Thôn T, xã H2, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

3. Bà Nguyễn Thị Th1; sinh năm 1962; Vắng mặt.

Trú tại: 31 đường P, KP 2, phường Y1, TP. Đ, Quảng Trị.

4. Ông Đỗ T3; sinh năm 1965; Vắng mặt.

Trú tại: Thôn B, xã Tr, huyện T, Quảng Trị.

5. Ông Hoàng Anh T4; sinh năm 1985; Vắng mặt.

Trú tại: Thôn N, xã Tr4, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

6. Ông Nguyễn Văn Th2; sinh năm 1960; Có mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã Tr, huyện T, Quảng Trị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Th2: Bà Lê Thị Thủy Ng; Trợ giúp viên pháp lý tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

7. Bà Phùng Thị Thúy M; sinh năm 1974; Có mặt.

Trú tại: Khóm L, thị trấn H, huyện V, Quảng Trị.

8. Bà Trần Thị H6; sinh năm 1963; Có mặt.

Trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 bị cáo khác, những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác nhưng các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Mặc dù không có thẩm quyền tuyển dụng nhân sự vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế và chuyển công tác, nhưng vì mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác nên trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2013 đến tháng 9 năm 2015, Nguyễn Thị Thanh H (nguyên là cán bộ Trung tâm Y khoa MEDIC tỉnh Thừa Thiên – Huế) và Nguyễn Thị H1 (nguyên là nhân viên Bệnh viện Đa khoa huyện T, tỉnh Quảng Trị) đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối làm cho nhiều người trên địa bàn các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Thanh Hóa có nhu cầu xin việc làm, chuyển công tác cho con em họ tin rằng Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thị H1 có khả năng xin được việc làm, chuyển công tác cho con em họ để chiếm đoạt tài sản.

Quá trình thực hiện tội phạm, Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thị H1 trực tiếp đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản và thông qua người trung gian, cụ thể:

Nắm bắt được nhu cầu xin việc làm của người dân, Nguyễn Thị Thanh H nói với Đinh Tiên H2 và Lê Đình T (nhân viên Trung tâm Y tế huyện H, tỉnh Thừa Thiên –Huế) là mình có khả năng xin được việc làm tại Bệnh viện Trung ương Huế, nếu ai có nhu cầu thì giới thiệu để H giúp, với giá 130.000.000 đồng/ 1 suất, H2 và T được hưởng từ 10 đến 15% số tiền thu được. Năm 2013, trong đợt tập huấn tại Bệnh viện Trung ương Huế, Nguyễn Thị H1 gặp và quen H2, T. Tại đây, H1 được H2 và T giới thiệu Bệnh viện Trung ương Huế có tuyển dụng viên chức, nếu ai có nhu cầu thì H2 và T giúp với giá 100.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng. Có được thông tin này từ tháng 8/2013 đến tháng 10/2014, H1 đã hứa hẹn xin việc làm tại Bệnh viện Trung ương Huế cho 08 gia đình người bị hại, đồng thời giới thiệu họ với H2 và T để người bị hại chuyển tiền. Sau đó, H2 và T yêu cầu H1 thu tiền và trực tiếp chuyển cho H. Khi liên hệ với H, H1 nhận ra H là người quen biết trước đó nên cả hai bàn bạc cách thức thực hiện tội phạm, trong đó có việc sử dụng giấy tờ giả của Bệnh viện Trung ương Huế (Thông báo tuyển dụng, Quyết định tuyển dụng viên chức) để củng cố lòng tin người bị hại.

Với phương thức, thủ đoạn trên đây, Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thị H1 đã chiếm đoạt tài sản của nhiều người bị hại cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Chiếm đoạt tài sản của chị Hồ Thị G.

Nguyễn Thị H1 và chị Hồ Thị G (trú tại khu phố X1, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị) có mối quan hệ quen biết do trước đây chị G có thời gian học việc tại Bệnh viện huyện T, nơi H1 công tác. Khoảng tháng 8 năm 2013, H1 trao đổi qua điện thoại với chị G nội dung: Đinh Tiên H2 và Lê Đình T có khả năng xin được việc làm cho những ai có nhu cầu vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế với điều kiện phải chi ra một khoản kinh phí. Tin lời H1, chị G cùng mẹ là bà Nguyễn Thị T2 nhờ H1 giúp đỡ. Ngày 11/9/2013, H1 cùng hai mẹ con chị G vào nhà trọ của T ở thành phố H. Tại đây, hai mẹ

con chị G trao đổi trực tiếp với T và H2 rồi đưa cho H2 120.000.000, đồng để xin cho chị G vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế. Nhận tiền xong, H2 viết giấy biên nhận giao cho chị G giữ. Sau đó H2 chuyển toàn bộ số tiền trên cho Trần Thị L, sinh năm 1968, trú tại trị trấn T, huyện H, tỉnh Thừa Thiên – Huế (trước đây L có giới thiệu với H2 là L có khả năng xin được việc làm tại Bệnh viện Trung ương – Huế thông qua Nguyễn Thị Thanh H). Khi nhận tiền, L viết giấy biên nhận giao cho H2 giữ rồi chuyển toàn bộ số tiền vào tài khoản của Nguyễn Thị Thanh H. Như vậy Nguyễn Thị Thanh H đã chiếm đoạt của chị G 120.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Chiếm đoạt tài sản của chị Trần Thị S1.

Nguyễn Thị H1 có quan hệ họ hàng với chị Trần Thị S1 (trú tại xã H, huyện H1, tỉnh Quảng Trị) nên biết chị S1 có nhu cầu xin việc cho con gái là cháu Hoàng Thị L3. Khoảng tháng 4/2014, H1 trao đổi qua điện thoại rồi thống nhất với chị S1 xin việc cho cháu L3 tại Bệnh viện Trung ương Huế với chi phí là 130.000.000 đồng. Ngày 26/7/2014, hai mẹ con chị S1 đến nhà H1 giao trước 50.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ đưa tiếp cho H1 sau khi có việc làm. Ngày 29/7/2014, H1 chuyển 50.000.000 đồng cho Lê Đình T. Sau khi nhận tiền, T chuyển cho Nguyễn Thị Thanh H.

Khoảng đầu tháng 8/2015, gia đình các bị hại đã đến gặp, điện thoại thúc giục H1 xin việc cho con em họ nên H1 đến nhà H, và nhiều lần điện thoại bàn bạc với nhau phải làm các loại giấy tờ giả là các thông báo, quyết định về việc tuyển dụng viên chức của Bệnh viện Trung ương Huế chuyển cho H1 để giao cho các bị hại hoặc cho các bị hại xem nhằm củng cố thêm niềm tin với mục đích chiếm đoạt thêm tiền của các bị hại. Để làm các quyết định, thông báo giả này, H đến một quầy vi tính, photocopy trên đường Tr, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (hiện H không nhớ cụ thể) thuê soạn thảo các thông báo, quyết định về việc tuyển dụng viên chức của Bệnh viện Trung ương Huế, in ra rồi ký giả chữ ký của ông Bùi Đức P - Giám đốc Bệnh viện. Do không có dấu để đóng nên khoảng giữa tháng 8/2015, H nhờ Nguyễn Văn S làm nghề thợ chạm (là hàng xóm của gia đình H) giúp H làm con dấu. H nói với S mục đích làm con dấu để sử dụng đóng dấu vào vé giữ xe tại Bệnh viện nên S đồng ý. H lấy mẫu con dấu đã đóng sẵn trên giấy đi đường của Bệnh viện Trung ương Huế cấp cho ông Nguyễn Văn Th (chồng của H) đang để ở nhà giao cho S. S đưa mẫu giấy đi đường này đến một quán photocopy sao thành 02 bản (hiện S không nhớ địa chỉ) rồi dùng kéo cắt rời 02 con dấu trên 02 bản phô tô đồng thời trả lại bản gốc mẫu giấy đi đường cho H. Có được mẫu dấu, S sử dụng 01 khúc gỗ Đào cùng các dụng cụ gồm 01 dùi cui, 07 cái đục, 01 bút bi màu xanh, 01 lọ keo dán giấy và tiến hành 02 lần chạm khắc con dấu của “Bệnh viện Trung ương Huế” tại nhà riêng theo yêu cầu của H cụ thể như sau:

Lần thứ nhất S quan sát mẫu dấu đã photo, dùng bút bi vẽ hình tròn phía ngoài của con dấu lên khúc gỗ đào rồi đặt mũi đục tại nhiều điểm trên hình

tròn, dùng một tay giữ chặt cán đục, tay còn lại dùng dùi cui đánh vào cán đục nhằm mục đích tạo được hình tròn con dấu. S thực hiện cách thức trên với tất cả cái đục nhưng không tạo được hình tròn giống như con dấu ở bản photo nên S không chạm khắc được con dấu giả.

Lần thứ hai: S dùng mẫu dấu đã photo bôi keo, dán lên khúc gỗ Đào, đặt mũi đục vào các điểm tại chữ “B” và “E” trên dòng chữ “BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ” một tay giữ chặt cán đục, tay còn lại dùng dùi cui đánh vào cán đục để mũi đục xuyên qua bản dấu photo chạm vào mặt gỗ tạo nên các nét chữ. S đã thực hiện cách thức trên với tất cả các loại đục nhưng không chạm khắc được dòng chữ như khuôn dấu nên không làm được con dấu giả.

Sau 02 lần tiến hành chạm khắc không thành công, vào khoảng giữa tháng 8/2015, tình cờ trong một lần đi uống cà phê, S gặp Dương Phước D (sinh năm 1982, trú tại số 18X đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên – Huế, là hàng xóm của S) và hỏi D có biết cơ sở nào chạm khắc bằng máy không. D giới thiệu cơ sở chạm khắc gỗ bằng máy do Nguyễn Quốc T1 làm chủ, có địa chỉ tại số 82/2 đường Nguyễn Huệ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Sau đó S nhờ D đưa đến địa chỉ trên gặp T1, D giới thiệu S cho T1 biết rồi nói với S: *“Đây là anh T1, chủ cơ sở có chạm khắc bằng máy”* rồi ra về. Tại đây, S đặt vấn đề thuê T1 chạm khắc 02 con dấu của Bệnh viện trung ương Huế rồi cả hai thoả thuận và đi đến thống nhất tiền công chạm khắc là 400.000 đồng. T1 hỏi S mục đích làm con dấu thì S trả lời để đóng lên vé trông giữ xe tại Bệnh viện Trung ương Huế. Nghe vậy, T1 đồng ý rồi khắc theo mẫu dấu mà S đưa cho như sau:

T1 sử dụng một thước đo (thước dây bằng kim loại) để đo kích thước hai hình tròn của con dấu “Bệnh viện trung ương Huế” trên mẫu photo mà S đưa, rồi sử dụng một phần mềm được cài đặt ở máy tính để bàn (hiệu DELL, màu đen, màn hình 14inch) để vẽ lại một con dấu giống y như con dấu tại mẫu giấy photo mà S cung cấp. Máy tính của T1 được kết nối với một máy chạm, khắc (màu trắng, xanh hiện T1 không nhớ nhãn hiệu). Khúc gỗ trắc S giao được T1 đặt ngay dưới mũi dao của máy khắc, Khi T1 thao tác lệnh chạm khắc từ phần mềm trên máy tính thì máy sẽ thực hiện việc chạm khắc hình con dấu như T1 đã vẽ tại phần mềm máy vi tính trên khúc gỗ trắc đặt tại mũi dao của máy chạm khắc. T1 đã thực hiện 02 lần, được 02 con dấu rồi thông báo cho S đến lấy, trước khi đi S đến gặp H lấy 5.000.000 đồng, S trả tiền công cho T1 400.000 đồng như đã thoả thuận ban đầu. Sau khi nhận dấu từ T1, S mang về giao cho H, nhưng khi H dùng để đóng vào các, thông báo, quyết định mà H đã làm giả thì bị nhoè nên yêu cầu S làm lại. S trao đổi nội dung trên với T1 và T1 làm lại cho S 01 con dấu khác với giá 100.000 đồng, rồi S giao cho H lấy 2.300.000 đồng, tuy nhiên khi H sử dụng vẫn bị nhoè nên yêu cầu S làm lại. Do nghi ngờ gỗ trắc không làm được con dấu nên S đã đưa một khúc gỗ mít đến để T1 thực hiện. Với cách thức như trên T1 làm cho S 01 con dấu bằng

gỗ mít với giá 100.000 đồng tiền công, sau khi lấy dầu từ T1, S đưa về giao cho H và lấy thêm 1.700.000 đồng. Tổng cộng T1 đã chạm khắc cho S 04 con dấu (03 bằng gỗ trắc, 01 bằng gỗ mít với giá 600.000 đồng), S lấy từ H 9.000.000 đồng. H dùng con dấu giả (bằng gỗ mít) này đóng lên vị trí chữ ký của ông Bùi Đức Ph mà H đã ký giả trên các thông báo, quyết định tuyển dụng viên chức. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu được 02 thông báo về việc tuyển dụng công chức, viên chức của Bệnh viện Trung ương Huế đối với chị Hồ Thị G và chị Châu Thị Hoài Tr do H làm giả.

Sau khi làm giả các loại giấy tờ liên quan, H chuyển ra cho H1 nhằm đánh lừa các bị hại để tiếp tục chiếm đoạt tài sản. Ngày 16/8/2015, H1 đưa cho hai mẹ con chị S1 xem thông báo giả về việc tuyển dụng công chức, viên chức đối với cháu L3, rồi yêu cầu chị S1 giao thêm 10.000.000 đồng, chị S1 giao tiền, H1 đã giữ lại số tiền này (10.000.000 đồng).

Vụ thứ ba: Chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị H3.

Trong dịp lễ 27/7/2014 (ngày thương binh, liệt sỹ, Nguyễn Thị H1 đến xã H3, thị xã Q thì gặp chị Nguyễn Thị H3 (trú tại thôn T, xã H3, thị xã Q, là bà con họ hàng với H1) có con gái là cháu Nguyễn Thị Thúy L4, đang có nhu cầu xin việc làm trong ngành Y tế. H1 giới thiệu bản thân H1 có đường dây chạy việc làm tại Bệnh viện Trung ương Huế với chị H3, giá mỗi suất 130.000.000, đồng nhưng chị H3 không đồng ý. Sau đó H1 liên tục gọi điện cho chị H3 và khẳng định là sẽ xin được việc cho cháu L4 thì chị H3 đồng ý. Tối ngày 28/7/2014, hai mẹ con chị H3 đến nhà H1 và giao 30.000.000 đồng để đặt cọc. H1 nhận tiền rồi viết giấy biên nhận giao cho chị H3 giữ. Đến tháng 5/2015, H1 điện thoại yêu cầu chị H3 giao thêm 50.000.000 đồng. Ngày 08/05/2015, chị H3 đến nhà H1 và giao thêm cho H1 50.000.000 đồng, H1 viết giấy biên nhận giao cho chị H3. Đầu tháng 8/2015 H1 giao cho chị H3 thông báo giả về việc tuyển dụng đối với cháu L4 và yêu cầu giao thêm 10.000.000đồng, chị H3 đồng ý và giao tiếp cho H1 10.000.000 đồng cho H1. Khoảng một tuần sau, H1 giao cho chị H3 quyết định giả của Bệnh viện Trung ương Huế về việc tuyển dụng viên chức và yêu cầu chị H3 giao thêm 10.000.000 đồng, chị H3 đồng ý và đã giao tiếp cho H1 10.000.000 đồng. Đến ngày 23/8/2016, H1 đến nhà chị H3 lấy lại quyết định, thông báo tuyển dụng viên chức giả trên. Như vậy, trong lần này H1 nhận tổng cộng từ chị H3 100.000.000 đồng và đã chuyển cho Lê Đình T 30.000.000 đồng vào ngày 29/7/2014, chuyển cho H 40.000,000 đồng vào ngày 08/5/2015, H1 giữ lại 30.000.000 đồng. Sau khi nhận 30.000.000 đồng từ H1, T đã chuyển cho H vào ngày 29/7/2014.

Vụ thứ tư: Chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Th1.

Khoảng tháng 7/2014, chị Nguyễn Thị Th1 (trú tại khu phố X, phường Y1, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị) đến nhà Nguyễn Thị H1 đặt vấn đề xin việc cho

con gái là cháu Châu Thị Hoài Tr. H1 nói : “*Có đường đây xin việc nhưng phải bỏ ra 140.000.000 đồng*” thì chị Th1 đồng ý. Ngày 29/7/2014, H1 đưa hai mẹ con chị Th1 vào thành phố H gặp Lê Đình T. Tại đây, hai mẹ con chị Th1 trao đổi trực tiếp với T rồi giao cho T 30.000.000, đồng để xin cho cháu Tr vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế. Đến tháng 9 năm 2014, H1 điện thoại cho chị Th1 nói: “*Chuẩn bị 50.000.000 đồng để chuyển tiền vào Huế xin việc cho cháu*”, sau đó H1 đến nhà chị Th1 lấy 50.000.000, đồng và hứa chắc chắn rằng khoảng một đến hai tháng nữa cháu Tr sẽ có việc làm. Ngày 28/8/2015, H1 đến nhà chị Th1 giao cho anh Châu Văn Q (chồng chị Th1) thông báo giả về việc tuyển dụng đối với cháu Tr và yêu cầu giao thêm 5.000.000, đồng nên anh Quang đã giao 5.000.000, đồng cho H1. Như vậy, trong lần này, các bị cáo và Lê Đình T đã chiếm đoạt của chị Th1 85.000.000 đồng, trong đó: H1 trực tiếp nhận từ chị Th1 55.000.000 đồng, số tiền này H1 chuyển cho T và H1 giữ lại 5.000.000, đồng. T nhận từ chị Th1 và H1 80.000.000 đồng, sau đó chuyển cho H 70.000.000 đồng, còn 10.000. 000 đồng T giữ lại.

Vụ thứ năm: Chiếm đoạt tài sản của anh Đỗ T3.

Khoảng cuối tháng 7 năm 2014, qua thông tin từ người quen, anh Đỗ T3 (trú tại thôn B, xã Tr, huyện T, tỉnh Quảng Trị) nghĩ rằng Nguyễn Thị H1 có khả năng xin được việc làm nên cùng con gái là cháu Đỗ Thị Thu H10 đến nhà H1 đặt vấn đề xin việc cho chị H10 tại Bệnh viện Trung ương Huế. Tại đây, H1 nói với anh T3: “*Giờ đường đây xin việc làm vào Khoa Xét nghiệm Bệnh viện Trung ương Huế có một suất, em cần thì chị chạy cho với giá 130.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng, đặt cọc trước 60.000.000, đồng, khi nào có quyết định đi làm thì đưa đủ số tiền còn lại*”. Ngày 08/8/2015, hai cha con anh T3 đến nhà H1 giao 60.000.000 đồng, H1 viết giấy biên nhận và nói: “*Chắc chắn là được biên chế tại Bệnh viện Trung ương Huế, chờ khoảng 03 tháng là có quyết định đi làm*”. Sau khi nhận số tiền này H1 chuyển toàn bộ cho Lê Đình T, T chuyển cho Nguyễn Thị Thanh H 40.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng T giữ lại.

Vụ thứ sáu; Chiếm đoạt tài sản của anh Hoàng Anh T4.

Khoảng tháng 7 năm 2014, anh Hoàng Anh T4 (trú tại xã Tr4, huyện T, tỉnh Quảng Trị) điều trị bệnh tại Bệnh viện đa khoa huyện T thì gặp Nguyễn Thị H1 và được H1 giới thiệu có khả năng xin việc làm cho người khác nên T4 nhờ H1 xin cho mình vào dạy học tại thành phố H. H1 nhận lời và yêu cầu anh T4 phải giao số tiền 90.000.000, đồng, đặt cọc trước 50.000.000, đồng. T4 nhờ anh trai là Hoàng Ph giao trước cho H1 10.000.000, đồng vào ngày 28/7/2014, H1 cho T4 mượn 10.000.000, đồng để chuyển cho Lê Đình T. Khi T chuyển tiền cho Nguyễn Thị Thanh H thì H yêu cầu phải đặt cọc trước đủ 30.000.000, đồng nên H1 dùng tiền của mình chuyển thêm cho T 10.000.000, đồng. Sau khi nhận được 30.000.000, đồng từ H1, T chuyển toàn bộ

cho H.

Vụ thứ bảy: Chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn Th2.

Khoảng tháng 10 năm 2014, qua thông tin từ người quen anh Nguyễn Văn Th2 (trú tại xã Tr, huyện T, tỉnh Quảng Trị) nghĩ Nguyễn Thị H1 có khả năng xin được việc làm tại Bệnh viện Trung ương Huế nên đã điện thoại cho H1 để nhờ xin việc cho con của mình là Nguyễn Cao C. H1 trả lời: “*Chắc chắn được một suất có giá 140.000.000 đồng, đặt cọc trước 80.000.000 đồng*” anh Th2 đồng ý. Ngày 13/10/2014, anh Th2 đến nhà H1 giao cho H1 80.000.000đồng, do bị đau tay nên H1 đọc nội dung, nhờ con gái là Hoàng Thị Thu H4 viết giấy nhận tiền thay mình. Cũng ngày hôm đó, H1 chuyển toàn bộ tiền cho Đinh Tiên H2. Ngày 18/8/2015, H1 liên lạc với anh Th2 tới nhà H1 xem quyết định và thông báo tuyển dụng công chức, viên chức giả của Bệnh viện Trung ương Huế. H1 yêu cầu anh Th2 đưa thêm 10.000.000đồng và giữ lại luôn mà không chuyển cho H. Như vậy, trong lần này các bị cáo và Đinh Tiên H2 đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn Th2 90.000.000, đồng. H1 là người trực tiếp nhận tiền từ anh Th2, sau đó chuyển cho Đinh Tiên H2 80.000.000,đồng, H2 chuyển cho H 65.000.000, đồng và giữ lại 15.000.000, đồng.

Vụ thứ tám: Chiếm đoạt tài sản của chị Phùng Thị Thúy M.

Chị Phùng Thị Thúy M (trú tại khóm L, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị) biết được đồng nghiệp của mình là chị Nguyễn Thị H11 (em gái Nguyễn Thị H1) quen biết với Đinh Tiên H2. Khoảng tháng 10/2014, qua thông tin từ chị H9, chị M đã trực tiếp gặp H2 trao đổi về vấn đề xin việc cho em gái là Phùng Thị Mai L1. H2 đưa ra giá xin việc cho một suất là 130.000.000đồng, đặt cọc trước 80.000.000đồng. Ngày 26/10/2014, chị M giao cho H2 80.000.000đồng, sau đó H2 chuyển cho H 50.000.000 đồng, giữ lại 30.000.000đồng. Khoảng tháng 7/2015, qua thông tin từ H11, H1 trao đổi với M rằng: “*Hồ sơ của L1 trước đây H2 chịu trách nhiệm, từ thời điểm này trở đi H1 chịu trách nhiệm*”. Do đó chị M nhiều lần gọi điện thoại cho H1 để hỏi về việc làm của chị L1 thì được H1 thông báo sắp có quyết định rồi nhưng phải giao thêm 20.000.000đồng đến 30.000.000 đồng, chị M không đồng ý. H1 đưa số điện thoại của chị M cho H để H thuyết phục nên chị M đồng ý chuyển vào tài khoản của H 10.000.000 đồng, đến ngày 13/8/2015 M chuyển tiếp cho H 5.000.000 đồng. Ngày 14/8/2015, H1 nói với chị M đến nhà mình rồi cho chị M xem thông báo giả về việc tuyển dụng công chức, viên chức vào Bệnh viện Trung ương Huế đối với chị L1 (thông báo giả). Ngày 15/8/2015, H1 tiếp tục điện thoại cho chị M đến nhà mình xem Quyết định giả về việc tuyển dụng đối với chị L1 và yêu cầu đem theo tiền để nộp. Sau khi xem xong, chị M giao đưa cho H1 10.000.000đồng. Như vậy tổng số tiền mà các bị cáo và Đinh Tiên H2 đã chiếm đoạt của chị M là 105.000.000 đồng, trong đó H1 trực tiếp nhận từ

chị M 10.000.000 đồng; H trực tiếp nhận từ chị M 15.000.000, đồng, H2 nhận từ chị M 80.000.000 đồng, sau đó chuyển cho H 50.000.000 đồng, H2 giữ lại 30.000.000 đồng.

Vụ thứ 9: Chiếm đoạt tiền của chị Trần Thị H6.

Thông qua Đinh Tiên H2, chị Trần Thị H6 (trú tại xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị) quen biết Nguyễn Thị Thanh H nên khoảng cuối năm 2014 và đầu năm 2015, chị Trần Thị H6 đặt vấn đề với H xin cho con trai là cháu Lê Việt Hoàng vào học Trường Công an nhân dân thì được H đồng ý với giá 270.000.000 đồng, đặt cọc trước một nửa nhưng chị H6 không đồng ý về số tiền đặt cọc. Sau đó cả hai thống nhất đặt cọc trước 70.000.000đồng. Ngày 03/12/2014, chị H6 chuyển cho H 70.000.000 đồng. Khi nhận tiền tại nhà chị H6, thấy con gái chị H6 là Lê Thị Thu H12 thì H chủ động hỏi chuyện và biết H12 đang dạy học tại Trường THCS số 2 xã V1, huyện V, tỉnh Quảng Trị muốn xin chuyển công tác vào thành phố Đ. H yêu cầu giao 110.000.000đồng thì H sẽ lo được việc này. Vì tin tưởng H làm được nên ngày 20/12/2014, chị H6 chuyển cho H 60.000.000đồng, đến ngày 05/01/2015 chị H6 tiếp tục chuyển cho H 50.000.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị Thanh H chiếm đoạt của chị Trần Thị H6 là 180.000.000 đồng.

Vụ thứ 10: Chiếm đoạt tiền của chị Phan Thị H7.

Qua thông tin của những người quen trên địa bàn thị xã Q, ngày 07/4/2015 chị Phan Thị H7 (trú tại khu phố X, phường 2, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị). Ngày 07/02/2015, chị H7 cùng con gái là Nguyễn Thị Hương G đến nhà H1 nhờ xin cho chị G vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế. H1 yêu cầu chị H7 chuẩn bị 30.000.000 đồng. Ngày 09/02/2015, H1 điện thoại yêu cầu chị H7 đem 30.000.000đồng đến Bệnh viện đa khoa huyện T giao cho H1. Tại đây H1 nhận tiền rồi lập một hợp đồng với nội dung H1 mượn số tiền trên của chị H7. Ngày 12/3/2015, H1 yêu cầu chị H7 giao thêm 40.000.000 đồng, chị H7 đồng ý và giao số tiền trên tại nhà H1. Ngày 23/3/2015, H1 yêu cầu chị H7 giao tiếp 55.000.000 đồng, trong ngày này chị H7 giao tiền hai lần cho H1 một lần 15.000.000 đồng và một lần 40.000.000đồng. Ngày 28/3/2015, H1 yêu cầu chị H7 giao tiếp 15.000.000đồng, chị H7 đồng ý đến nhà giao cho H1 số tiền 15.000.000 đồng trên. Khoảng tháng 8/2015, H1 điện thoại yêu cầu chị H7 đến nhà mình nhận giấy thông báo trúng tuyển (thông báo giả) nhưng đến ngày 23/8/2015, H1 yêu cầu chị H7 trả lại cho mình thông báo trên. Trong các ngày 13/02/2015, 13/3/2015 H1 chuyển cho H 50.000.000 đồng và 70.000.000 đồng, tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt của chị Phan Thị H7 trong lần này là 140.000.000 đồng, H1 là người trực tiếp nhận tiền từ chị H7, sau đó chuyển cho H 120.000.000 đồng, H1 giữ lại 20.000.000 đồng.

Vụ thứ 11: Chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn N.

Giữa gia đình anh Nguyễn Văn N (trú tại xã Tr5, huyện T, tỉnh Quảng

Trị) và Nguyễn Thị H1 có mối quan hệ từ trước. Khoảng cuối tháng 01/2015, H1 chủ động đến nhà anh N đặt vấn đề với anh N về việc xin cho con anh N là Nguyễn Văn T5 vào làm tại Bệnh viện Trung ương Huế. Tại đây cả hai thỏa thuận mức giá là 130.000.000 đồng, đặt cọc trước 50.000.000 đồng. Ngày 05/02/2015, anh N đến Bệnh viện đa khoa huyện T giao cho H1 50.000.000 đồng tiền đặt cọc.

Tại thời điểm giao tiền có mặt H, nhận tiền từ anh N xong, H1 giao cho H. Từ đây anh N liên hệ trực tiếp với H và đã chuyển tổng cộng 75.000.000 đồng cho H cụ thể như sau: ngày 02/3/2015 chuyển 20.000.000 đồng; ngày 03/4/2015 chuyển 40.000.000 đồng; ngày 07/4/2015 chuyển 15.000.000 đồng. Tổng cộng H và H1 đã chiếm đoạt của anh N là 125.000.000 đồng.

Vụ thứ 12: Chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Thanh S2.

Vào khoảng tháng 3/2015, Nguyễn Thị H1 chủ động gặp anh Nguyễn Thanh S2 (đồng nghiệp tại Bệnh viện Đa khoa huyện T) nói chuyện trong đó có nội dung anh S2 có con hay cháu gì cần làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế vì H1 có một suất làm việc tại đó. Nghe vậy, anh S2 hỏi giá bao nhiêu thì H1 trả lời là 170.000.000 đồng và khẳng định chắc chắn sẽ thực hiện được. Ngày 13/3/2015, anh S2 giao cho H1 50.000.000 đồng để xin việc cho cháu mình là Nguyễn Thị L5 (con bà Võ Thị Nh, trú tại khu phố X4, phường Y3, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị). Vào khoảng tháng 04/2015, Nguyễn Thị Thanh H đến cơ quan của H1 thì H1 gọi anh S2 gặp trực tiếp H để trao đổi về vấn đề xin việc cho L5 nhưng do anh S2 bận công việc nên H1 chuyển điện thoại để H nói chuyện với anh S2. Anh S2 thống nhất với H sẽ chuyển tiền trực tiếp cho H không thông qua H1 nữa. Sau đó anh S2 đã chuyển vào tài khoản của H 90.000.000 đồng trong ba lần, mỗi lần 30.000.000 đồng. Tổng cộng H và H1 đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Thanh S2 là 140.000.000 đồng trong đó H1 nhận trực tiếp từ anh S2 rồi chuyển cho H 50.000.000 đồng, H nhận từ anh S2 40.000.000 đồng.

Vụ thứ 13: Chiếm đoạt tài sản của ông Trần V.

Qua thông tin từ người nhà làm việc tại Bệnh viện Đa khoa huyện T, khoảng tháng 3/2015, anh Trần V (trú tại thôn X5, xã Tr1, huyện T, tỉnh Quảng Trị) đã chủ động liên lạc với H1 để xin cho con gái của mình là Trần Thị V1 vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế. H1 nói với anh V giá 14.000.000 đồng, đặt cọc trước 30.000.000 đồng và được ông V đồng ý. Ngày 26/3/2015, anh V đến Bệnh viện đa khoa huyện T giao trước cho H1 20.000.000 đồng. Tại đây H1 cho ông V mượn 10.000.000 đồng (để đủ số tiền 30.000.000 đồng đặt cọc) rồi chuyển toàn bộ cho H.

Vụ thứ 14: Chiếm đoạt tài sản của chị Phan Thị H8.

Khoảng cuối tháng 3/2015, Nguyễn Thị H1 đến quán của chị Phan Thị H8 (trú tại khu phố X, phường Y4, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị). Tại đây, chị H8

nhờ H1 xin việc cho con gái là Đặng Thị Nguyệt M1 vào làm kế toán tại Bệnh viện Trung ương Huế. Nghe vậy, H1 điện thoại cho Nguyễn Thị Thanh H hỏi xem có xin được suất làm kế toán nào tại Bệnh viện Trung ương Huế không thì H trả lời có. H1 nói với chị H8: *“Có suất vào làm kế toán tại Bệnh viện Trung ương Huế với giá 140.000.000 đồng nhưng phải đặt cọc trước 70.000.000 đồng, khi nào có việc sẽ đưa số tiền còn lại”*, nghe vậy chị H8 đồng ý. Ngày 27/3/2015, H1 cùng H đến quán chị H8, H1 giới thiệu với chị H8 là H làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế, sau đó H hứa hẹn là sẽ xin được việc cho con gái chị H8. Chị H8 tin tưởng nên giao 30.000.000 đồng cho H1. Ngày 31/3/2015, H1 đến quán chị H8 lấy thêm 10.000.000 đồng, Ngày 28/7/2015, H1 nhận được thông báo tuyển dụng viên chức, công chức giả từ H nên điện thoại cho chị H8 lên lấy giấy thông báo và yêu cầu đưa thêm 10.000.000 đồng. Anh Đặng Mạnh H5 (chồng chị H8) đến nhà H1 lấy thông báo và đưa 10.000.000 đồng cho H1. Ngày 17/8/2015, H1 và H đưa quyết định tuyển dụng công chức, viên chức giả đến nhà chị H8 và lấy thêm 10.000.000 đồng. Tổng số tiền H và H1 chiếm đoạt của vợ chồng chị H8 là 70.000.000 đồng, H1 giao cho H 40.000.000 đồng còn H1 giữ lại 30.000.000 đồng.

Vụ thứ 15: Chiếm đoạt tài sản của chị Dương Thị H9.

Khoảng đầu tháng 5/2015, qua thông tin từ em ruột của mình là chị Dương Thị L2 (là hàng xóm của Nguyễn Thị H1), chị Dương Thị H9 (trú tại thôn B, xã Tr3, huyện T, tỉnh Quảng Trị) cùng chị L2 đến nhà H1 để hỏi xin việc cho con gái của mình là Nguyễn Thị Lê Phương vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế. H1 trả lời với chị H9: *“Hiện tại ở Bệnh viện Trung ương Huế có một suất vào biên chế, muốn xin vào thì phải bỏ ra 140.000.000 đồng để chạy việc, đặt cọc trước 80.000.000 đồng, nếu không xin được thì sẽ trả lại tiền đầy đủ”*, nghe vậy chị H9 đồng ý. Ngày 04/5/2015, chị H9 đến quầy thuốc tây trước cổng Bệnh viện đa khoa huyện T gặp và giao cho H1 80.000.000 đồng. Khi giao tiền còn có H nên H1 giao cho H toàn bộ số tiền trên. Ngày 16/7/2015, H1 điện thoại cho chị L2 nói: *“Chuẩn bị thêm 15.000.000 đồng để chuyển vào Bệnh viện Trung ương Huế lo việc”*, chị L2 thông tin lại với chị H9 và được chị H9 đồng ý. Chiều cùng ngày, H1 và H đến nhà chị H9 lấy thêm 15.000.000 đồng. Ngày 26/7/2015, H1 điện thoại cho chị H9 nói: *“Đưa thêm 20.000.000 đồng kéo họ hỏi, có giấy trúng tuyển rồi”*. Đến chiều ngày hôm sau, chị H9 đến nhà H1 giao tiếp 20.000.000 đồng. Ngày 28/7/2015, H1 lại tiếp tục điện thoại nói với chị H9 đến nhà mình nhận Thông báo và Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức vào làm việc tại bệnh viện Trung ương Huế (Thông báo và Quyết định giả) và yêu cầu chị H9 đưa thêm tiền. Chị Phương đến nhà H1 xem thông báo, quyết định sau đó đưa cho H1 thêm 10.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt của chị H9 là 125.000.000 đồng, H1 là người trực tiếp nhận tiền và đã chuyển cho H 80.000.000 đồng, còn H1 "giữ lại 45.000.000 đồng.

Vụ thứ 16: Chiếm đoạt tài sản của chị Trần Thị M2.

Khoảng giữa tháng 5/2015, Nguyễn Thị H1 biết chị Trần Thị M2 (là hàng xóm của H1) đang có nhu cầu xin việc cho con trai là Nguyễn Mạnh T6, mới học trung cấp Y tế nhưng chưa có việc làm. H1 chủ động đến nhà chị M2 nói: “*Tôi có quen một người bạn tên H làm Bác sỹ tại Bệnh viện Trung ương Huế. hiện bà H đang có một, hai suất để xin việc vào Bệnh viện Trung ương Huế nhưng phải bỏ ra 150.000.000 đồng để chạy việc, đặt cọc trước 50.000.000 đồng, lúc nào có việc sẽ đưa đủ, nếu không xin được việc sẽ trả lại tiền đầy đủ*”, nghe vậy chị M2 đồng ý. Ngày 22/5/2015, H1 tới nhà chị M2 lấy tiền đặt cọc 30.000.000 đồng, rồi viết giấy nhận tiền giao cho chị M2 giữ. Nhận tiền xong, H1 chuyển toàn bộ cho H. Ngày 24/5/2015, H1 đưa H tới nhà chị M2 giới thiệu đây là người sẽ giúp xin việc cho T6, hiện đang làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế rồi yêu cầu chị M2 đưa thêm 20.000.000 đồng để lo việc nên chị M2 đồng ý giao tiếp 20.000.000 đồng cho H1. Ngày hôm sau, H1 chuyển cho H 10.000.000 đồng. Ngày 09/8/2015, H1 trực tiếp đưa thông báo về việc tuyển dụng công chức, viên chức của Bệnh viện Trung ương Huế đối với T6 (thông báo giả) đến nhà cho chị M2 xem rồi lấy lại và nói: “*Cái này là bí mật, em đem ra trước cho chị xem thôi*” và yêu cầu đưa thêm 10.000.000 đồng, chị M2 đồng ý giao tiền cho H1 số tiền 10.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt của chị M2 là 70.000.000 đồng, H1 trực tiếp nhận tiền sau đó chuyển cho H 40.000.000 đồng, còn H1 giữ lại 30.000.000 đồng.

Vụ thứ 17: Chiếm đoạt tài sản của chị Lê Thị Minh Đ.

Khoảng giữa tháng 8/2015, qua thông tin từ người quen, chị Lê Thị Minh Đ (trú tại phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị) đã điện thoại đặt vấn đề nhờ H1 xin cho em gái của chị Đ là Nguyễn Thị Quỳnh G1 vào làm việc tại bệnh viện Trung ương Huế. H1 nói với chị Đ một suất xin việc vào Bệnh viện Trung ương Huế là 150.000.000 đồng, nghe vậy nên chị Đ đồng ý. Ngày 19/8/2015, chị Đ đến nhà H1 và giao cho H1 20.000.000 đồng, ngày 20/8/2015, chị Đ giao tiếp 20.000.000 đồng cho H1 thì được H1 hẹn nếu sau một tháng mà không có quyết định sẽ trả lại số tiền đã nhận. Đến ngày 30/8/2015, chị Đ đến nhà H1 giao thêm cho H1 30.000.000 đồng. Tổng cộng H1 nhận từ chị Đ 70.000.000 đồng và đã chuyển toàn bộ cho H.

Vụ thứ 18: Chiếm đoạt tài sản của chị Trần Thị T7.

Khoảng giữa tháng 8/2015, thông qua những người quen biết sống tại thị xã Q, chị Trần Thị T7 (trú tại thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình) đã liên lạc với H1 nhờ H1 xin việc cho con gái là Nguyễn Thị Hương G2 vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế. H1 yêu cầu muốn xin được việc phải chi số tiền 180.000.000 đồng, đặt cọc trước 40.000.000 đồng, khi nào có việc sẽ đưa hết số tiền còn lại, nghe vậy chị T7 đồng ý. Ngày 21/8/2015, hai mẹ con chị T7 vào nhà H1 đưa cho H1 40.000.000 đồng tiền đặt cọc. Đến ngày 30/8/2015, H1

điện thoại cho chị T7 yêu cầu giao thêm 40.000.000 đồng để lo việc và hứa đến ngày 20/9/2015 sẽ có quyết định tuyển dụng nên chị T7 đồng ý. Ngày hôm sau chị T7 nhờ anh Phạm Văn A chuyển vào tài khoản của H1 40.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền nhận được từ chị T7 là 80.000.000 đồng H1 chuyển hết cho H.

Vụ thứ 19: Chiếm đoạt tài sản của chị Trần Thị X.

Khoảng giữa tháng 8/2015, qua thông tin người quen, chị Trần Thị X (trú tại khu phố Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị) đến nhà H1 đặt vấn đề nhờ H1 xin cho con mình là Trần Thị H10 vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế. H1 nói với chị X: “*Một suất xin việc là 150.000.000 đồng*”, chị X đồng ý. Ngày 21/8/2015, chị X đến nhà H1 giao 40.000.000 đồng tiền đặt cọc, nhận tiền xong H1 yêu cầu khi nào có quyết định đi làm thì giao tiếp 110.000.000 đồng còn lại, nếu sau một tháng không có việc làm thì trả lại số tiền đã nhận cho chị X. Ngày 25/8/2015, H1 điện thoại cho chị X yêu cầu đưa thêm 30.000.000 đồng thì cháu Hằng mới có quyết định tuyển dụng sớm (vào khoảng đầu tháng 9/2015). Chị X đồng ý và đến nhà H1 đưa thêm 30.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền nhận được từ chị X là 70.000.000 đồng, H1 chuyển hết cho H.

Vụ thứ 20: Chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Quang V2.

Khoảng giữa tháng 8/2015, qua thông tin từ bạn bè là chị Nguyễn Thị D2 và chị Nguyễn Thị Hương G2, anh Nguyễn Quang V2 (trú tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa) đã liên lạc với H1 nhờ xin vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế, H1 đồng ý và nói: “*Giá mỗi suất chạy việc là 80.000.000 đồng, đặt cọc trước 40.000.000 đồng, số tiền còn đưa đủ khi có việc*” anh V2 nhất trí. Ngày 22/8/2015, anh V2 dùng số tài khoản 3510205083186 của một người bạn chuyển vào tài khoản của H1 20.000.000 đồng nhưng H1 yêu cầu anh V2 phải chuyển đủ 40.000.000 đồng để làm hồ sơ. Ngày 24/8/2015, anh V2 chuyển tiếp cho H1 20.000.000 đồng, sau đó H1 hứa hẹn với anh V2 rằng: “*Chắc chắn là có việc cứ yên tâm mà chờ quyết định*”. Ngày 25/8/2015, H1 và Nguyễn Thị Thanh H điện thoại yêu cầu V2 đưa thêm 30.000.000 đồng để nhận quyết định đi làm. Ngày 26/8/2015, anh V2 chuyển vào tài khoản H1 4.000.000 đồng. Ngày 27/8/2016, H1 và H tiếp tục gọi điện cho anh V2 yêu cầu phải đưa đủ 30.000.000 đồng, trưa hôm đó anh V2 chuyển tiếp số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản của H1. Nguyễn Thị H1 đã nhận tổng cộng từ anh V2 59.000.000 đồng, H1 bỏ thêm tiền của mình 1.000.000 đồng rồi chuyển cho H 60.000.000 đồng.

Vụ thứ 21: Chiếm đoạt tài sản của chị Trần Thị T7.

Qua lần xin việc cho chị Nguyễn Thị Hương Giang, chị Trần Thị T7 (mẹ của chị G2) biết được Nguyễn Thị Thanh H nên chị T7 nhờ H xin việc cho con gái là Nguyễn Thị D2 vào làm việc tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình. H hứa hẹn sẽ xin được việc cho cháu D2 với giá 180.000.000 đồng, chị

T7 đồng ý. Ngày 03/9/2015, chị T7 chuyển cho H 100.000.000 đồng, ngày 04/9/2015 chuyển 30.000.000 đồng, ngày 09/9/2015 chị T7 tiếp tục chuyển cho H 40.000.000 đồng. Tổng số tiền mà H chiếm đoạt của chị T7 là 170.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thị H1 đã thực hiện thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của 21 bị hại với tổng số tiền là 1.959.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 110 ngày 29/3/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận:

- Hình tròn màu đỏ có nội dung "BỘ Y TẾ - BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu MI không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên Bùi Đức Ph trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 không phải là chữ ký trực tiếp, được làm bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung "BỘ Y TẾ - BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Vật chứng vụ án đã tạm giữ: 01 cuốn sổ có chữ TEBANTIN bìa bọc nylon được đánh số từ 01 đến 28; 01 cuốn sổ, ngoài bìa có chữ Vina-link Group liên kết nhiệm màu, được đánh số từ 01 đến 28; 01 ĐTDĐ hiệu FPT, màu xanh đen đã qua sử dụng số IMEL:980038006467454; 01 ĐTDĐ hiệu SAMSUNG, màu đen, số IMEL: 355598/05/367339/2, đã qua sử dụng; 01 thẻ ATM của ngân hàng AGRIBANK mang tên Nguyễn Thị Thanh H; 01 USB màu đỏ đen nhãn hiệu SanDisk; 01 thẻ ATM của ngân hàng AGRIBANK mang tên Nguyễn Thị H1; 600.000 tiền Việt Nam đồng của Nguyễn Quốc T1.

Quá trình điều tra bổ sung Nguyễn Văn S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 dùi cui, 07 cái đục cán bằng gỗ, lưới bằng kim loại. Hiện chuyển theo hồ sơ vụ án 02 quyển sổ, số tài sản, vật chứng còn lại được chuyển đến Cục thi hành án hình sự tỉnh Quảng Trị, chờ xử lý. Quá trình điều tra bổ sung CQĐT đã tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Quốc T1 nhưng không thu giữ được các phương tiện, công cụ phục vụ cho việc làm giả con dấu do bị cáo đã bán cho một số cá nhân không rõ lai lịch. Đối với các con dấu giả sau khi sử dụng Nguyễn Thị Thanh H đã chẻ nhỏ vứt vào thùng rác nên không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thị Thanh H đã trả lại cho bị hại Trần Thị H6 số tiền 155.000.000 đồng. Lê Đình T đã trả lại số tiền thu của những người bị hại gồm: Chị Hoàng Thị L3 10.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thúy L4 5.000.000 đồng; chị Châu Thị Hoài Tr 12.000.000 đồng; chị Đỗ Thị Thu H10 20.000.000 đồng; anh Hoàng Anh T4 10.000.000 đồng. Đình Tiên H2 đã

trả lại số tiền thu của những người bị hại gồm: Anh Nguyễn Cao C 15.000.000 đồng; chị Phùng Thị Mai L1 30.000.000 đồng.

Những người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị T2 120.000.000 đồng; chị Trần Thị S1 60.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H3 100.000.00 đồng; chị Nguyễn Thị Th1 85.000.000 đồng; anh Đỗ T360.000.000 đồng; anh Hoàng Anh T4 10.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Th2 90.000.000 đồng; chị Phùng Thị Thúy M 105,000.000 đồng; chị Trần Thị H6 25.000.000 đồng; chị Phan Thị H7 140.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn N 125.000.000 đồng; anh Nguyễn Thanh S2 140.000.000 đồng; anh Trần V 20.000.000 đồng; chị Phan Thị H8 70.000.000 đồng; chị Dương Thị H9 125.000.000 đồng; chị Trần Thị M2 70.000.000 đồng; chị Lê Thị Minh Đ 70.000.000 đồng; chị Trần Thị T7 250.000.000 đồng; chị Trần Thị X 70.000.000 đồng; anh Nguyễn Quang V2 59.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2017/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo Nguyễn Văn S (L), Nguyễn Quốc T1 phạm tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999. Riêng Nguyễn Thị H1 áp dụng thêm Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, xử phạt:

Nguyễn Thị Thanh H: 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/9/2015.

Nguyễn Thị H1: 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/9/2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Riêng Nguyễn Thị H1 áp dụng thêm Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, xử phạt:

Nguyễn Thị Thanh H: 01 (một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/9/2015.

Nguyễn Thị H1: 01 (một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/9/2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 50 BLHS 1999. Riêng bị cáo Nguyễn Thị Thanh H áp dụng thêm khoản 1 Điều 51 BLHS 1999, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/9/2015. Tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù tại bản án số 21/2015/HSST ngày 29/10/2015 của Tòa án

nhân dân tỉnh Quảng Bình buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 24 (hai mươi bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/9/2015.

Nguyễn Thị H1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/9/2015.

Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584; 585; 589 BLDS 2015 xử:

Buộc Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1 phải liên đới bồi thường cho những người bị hại:

1. Bà Phan Thị H8 số tiền 70.000.000đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 40.000.000đồng, H1 phải bồi thường 30.000.000đồng.

2. Bà Phan Thị H7 số tiền 140.000.000 đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 120.000.000 đồng, H1 phải bồi thường 20.000.000đồng.

3. Bà Trần Thị M2 số tiền 70.000.000đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 40.000.000đồng, H1 phải bồi thường 30.000.000đồng.

4. Bà Trần Thị X số tiền 70.000.000 đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 70.000.000 đồng.

5. Chị Nguyễn Thị D2 số tiền 80.000.000 đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 80.000.000 đồng,

6. Anh Nguyễn Quang V2 số tiền 59.000.000đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 59.000.000đồng.

7. Anh Nguyễn Văn N số tiền 125.000.000đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 125.000.000 đồng.

8. Bà Dương Thị H9 số tiền 125.000.000 đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 80.000.000 đồng, H1 phải bồi thường 45.000.000 đồng.

9. Ông Trần V số tiền 20.000.000đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 20.000.000đồng.

10. Chị Lê Thị Minh Đ số tiền 70.000.000đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 70.000.000 đồng.

11. Bà Võ Thị Nh số tiền 140.000.000đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 140.000.000đồng.

Buộc Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1 và Lê Đình T phải liên đới bồi thường cho:

12. Anh Hoàng Anh T4 số tiền 30.000.000,đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường- là 10.000.000,đồng, Lê Đình T bồi thường 20.000.000đồng. T đã bồi thường xong.

13. Ông Đỗ T3 số tiền 60.000.000,đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 40.000.000,đồng, Lê Đình T phải bồi thường 20.000.000đồng. T đã bồi thường xong.

14. Bà Nguyễn Thị Th1 số tiền 85.000.000 đồng. Trong đó phần của H

phải bồi thường là 70.000.000,đồng, H1 bồi thường 5.000.000 đồng, Lê Đình T bồi thường 10.000.000đồng. T đã bồi thường xong.

15. Bà Trần Thị S1 số tiền 60.000.000đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 40.000.000 đồng, H1 phải bồi thường 10.000.000 đồng , Lê Đình T bồi thường 10.000.000 đồng. T đã bồi thường xong.

16. Bà Nguyễn Thị H3 số tiền 100.000.000 đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 65.000.000đồng, H1 phải bồi thường 30.000.000 đồng, Lê Đình T bồi thường 5.000.000 đồng. T đã bồi thường xong.

Buộc Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1 và Đinh Tiên H2 phải liên đới bồi thường cho:

17. Ông Nguyễn Văn Th2 số tiền 90.000.000đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 65.000.000đồng, H1 phải bồi thường 10.000.000 đồng, Đinh Tiên H2 bồi thường 15.000.000 đồng. H2 đã bồi thường xong.

18. Chị Phùng Thị Thúy M số tiền 105.000.000đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 65.000.000đồng, H1 phải bồi thường 10.000.000 đồng, Đinh Tiên H2 bồi thường 30.000.000đồng. H2 đã bồi thường xong.

Buộc Nguyễn Thị Thanh H, Trần Thị L và Đinh Tiên H2 phải liên đới bồi thường cho:

19. Bà Nguyễn Thị T2 số tiền 120.000.000đồng. Trong đó phần của H phải bồi thường là 120.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải bồi thường cho:

20. Bà Trần Thị H6 số tiền 180.000.000 đồng, đã bồi thường 155.000.000đồng. Còn lại phải tiếp tục bồi thường 25.000.000 đồng.

22. Chị Nguyễn Thị D2 số tiền 170.000.000đồng.

Tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải bồi thường là 514.000.000đồng.

Tổng số tiền mà Nguyễn Thị H1 phải bồi thường là 190.000.000đồng, đã bồi thường 20.000.000, đồng. Số tiền còn lại phải tiếp tục bồi thường là 170.000.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phân xử lý vật chứng, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 4/10/2017 bị cáo Nguyễn Thị Thanh H có đơn kháng cáo, với nội dung: Cùng vụ án nhưng tách 3 Tòa xét xử là bất lợi cho bị cáo; việc làm giấy tờ giả bị cáo làm theo yêu cầu của bị cáo H1, việc bị cáo H1 cầm giấy đi lấy thêm tiền bị cáo không biết; tiền đặt cọc của những người bị hại bị cáo đã chuyển tiền ngoại giao cho các lãnh đạo bệnh viện, công an; áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với bị cáo là chưa đúng.

Ngày 27/10/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 40/QĐ-HS-VC2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 27/9/2017 của TAND tỉnh Quảng Trị, với nội dung: Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ. Tuy nhiên, còn bỏ lọt hành vi phạm tội của Đinh Tiên H2 và Lê Đình T có dấu hiệu đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với các bị cáo H và H1. Đề nghị xét xử phúc thẩm hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại theo hướng khởi tố điều tra bổ sung các đối tượng H2 và T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng: Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý đến mở phiên tòa và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Về nội dung: Giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; có căn cứ cho rằng Đinh Tiên H2 và Lê Đình T có dấu hiệu đồng phạm với Nguyễn Thị Thanh H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng chưa được cấp sơ thẩm điều tra truy tố xét xử là bỏ lọt tội phạm, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm để điều tra truy tố xét xử lại. Do hủy án sơ thẩm để điều tra lại, do vậy không xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh H.

- Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với yêu cầu kháng cáo của bị cáo đã trình bày tại đơn kháng cáo và không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;

- Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, và trình bày: Bị cáo thừa nhận những nội dung tại cáo trạng và bản án sơ thẩm đã ghi trong phần nội dung bản án về việc nhận tiền của những người bị hại là đúng với thực tế, bị cáo chỉ nhận tiền cọc của các bị hại và bị cáo đã đưa số tiền nhận cho lãnh đạo Bệnh viện, Công an, bị cáo không lừa những người bị hại; việc làm giả giấy tờ bị cáo thực hiện theo yêu cầu của bị cáo H1, bị cáo bị đưa ra xét xử ở 3 vụ án khác nhau là bất lợi cho bị cáo, việc áp dụng phạm tội nhiều lần đối với bị cáo là không đúng.

- Bị cáo Nguyễn Thị H1 trình bày tại phiên tòa thừa nhận những nội dung vụ án tại bản án sơ thẩm là đúng, đề nghị xem xét giảm án cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Đinh Tiên H2: Ông thừa nhận những nội dung về việc Ông đã nhận tiền của những người bị hại sau đó chuyển cho bị cáo H và giữ lại số tiền

như bản án sơ thẩm nêu là đúng; Ông biết việc nhận người vào làm việc tại Bệnh viện phải bằng hình thức thông qua Hội đồng xét tuyển; việc nhận tiền của những người bị hại đưa cho bị cáo H để được nhận vào làm việc tại Bệnh viện là trái pháp luật; nhưng do Ông tin tưởng bị cáo H (chồng con bà H là bác sỹ) nên đã thực hiện việc trên. Đối với kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao Ông không đồng ý vì Tòa án đã trả hồ sơ và Công an tỉnh Quảng Trị đã có kết luận Ông không có dấu hiệu phạm tội.

- Ông Lê Đình T: Ông thừa nhận việc nhận tiền của những người bị hại chuyển cho bị cáo H và giữ lại số tiền cho bản thân như nội dung bản án sơ thẩm là đúng; Ông biết việc nhận người vào làm việc tại Bệnh viện phải qua Hội đồng xét tuyển, nhưng vì tin tưởng vào bị cáo H (chồng con bà H là Bác sỹ) nên Ông đã nhận tiền của những người bị hại; Ông thừa nhận biết việc nhận tiền của bị hại để được nhận vào làm việc tại Bệnh viện là trái pháp luật. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát Ông cho rằng không đúng vì Tòa án đã trả hồ sơ nhưng cơ quan Công an tỉnh Quảng Trị đã có kết luận Ông không có dấu hiệu phạm tội.

- Những người bị hại tham gia phiên tòa đề nghị Tòa án xét xử theo pháp luật và yêu cầu người đã nhận tiền phải hoàn trả lại cho họ.

Trên cơ sở nội dung vụ án, nội dung kháng cáo, kháng nghị, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1 về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “ làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Xét Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, thấy:

- Nguyễn Thị Thanh H (nguyên là cán bộ trung tâm Y khoa MEDIC tỉnh Thừa Thiên Huế) nói với Đinh Tiên H2 và Lê Đình T (là nhân viên Trung tâm y tế huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế) là mình có khả năng xin việc làm tại Bệnh Viện Trung ương Huế, nếu ai có nhu cầu giới thiệu để H giúp với giá 130.000.000,đồng/1 suất, H2 và T được hưởng 10 đến 15 % số tiền thu được; Nguyễn Thị H1 được H2 và T giới thiệu Bệnh viện Trung ương Huế có tuyển dụng viên chức, nếu ai có nhu cầu thì H2 và T giúp với giá 100.000.000,đồng đến 130.000.000,đồng; có được thông tin này, từ tháng 8/2013 đến tháng 10/2014, H1 đã hứa hẹn xin việc làm tại Bệnh viện trung ương Huế cho 8 gia đình người bị hại, đồng thời giới thiệu họ với H2 và T để người bị hại chuyển tiền; Lê Đình T trực tiếp nhận tiền của 5 người, tổng số 140.000.000,đồng (các vụ 2,3,4,5,6), T chuyển cho H 110.000.000,đồng, còn giữ lại 30.000.000,đồng;

Đình Tiên H2 trực tiếp nhận tiền của 3 người tổng số tiền 280.000.000,đồng (các vụ 1,7,8) H2 chuyển cho H 235.000.000,đồng còn giữ lại 45.000.000,đồng.

- Đình Tiên H2 và Lê Đình T là những người công tác lâu năm trong ngành y tế (H2 có thâm niên công tác 27 năm, T có thâm niên công tác 9 năm) biết được việc tuyển dụng viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế phải qua Hội đồng thi tuyển; và việc nhận tiền của những người có nhu cầu xin vào làm việc tại Bệnh viện nộp tiền cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh H là trái pháp luật.

- Đình Tiên H2 và Lê Đình T biết Nguyễn Thị Thanh H là người không có chức năng, thẩm quyền tuyển dụng người làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế và việc nhận tiền đưa cho bị cáo H là trái pháp luật, nhưng vẫn thực hiện; H2 và T đã giúp H nói dối với những người bị hại để họ tin và nộp tiền. Từ thông tin của H2 và T, những người bị hại và bị cáo H1 mới biết được thông tin muốn xin việc làm ở Bệnh viện thì đưa cho H2 và T số tiền từ 100.000.000, đến 130.000.000,đồng. Đình Tiên H2 và Lê Đình T đưa ra thông tin gian dối giúp cho bị cáo H thực hiện lừa đảo, và đã trực tiếp nhận tiền của những người bị hại sau đó chuyển cho bị cáo H (đồng thời giữ lại một số tiền cho mình:T 30.000.000,đồng; H2 45.000.000,đồng) nên đồng phạm với các bị cáo H và H1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với vai trò là người thực hành, nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét xử lý là bỏ lọt tội phạm. Các bị cáo H, H1 và người liên quan là T, H2 phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” có dấu hiệu thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, trong đó bị cáo H giữ vai trò chủ mưu cầm đầu, bị cáo H1 và Lê Đình T, Đình Tiên H2 với vai trò là người thực hành thực hiện tội phạm lừa đảo đối với những người bị hại.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định tại Điều 355, khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13.

[3] Trong quá trình thụ lý xét xử ở cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã có Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung số 02/2017/HSST – QĐ ngày 16/3/2017 để xác định trách nhiệm hình sự đối với Đình Tiên H2 và Lê Đình T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Tuy nhiên, quyết định này chưa được cơ quan điều tra tỉnh Quảng Trị và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị chấp nhận là không đúng pháp luật.

[4]Bản án sơ thẩm bị hủy để điều tra lại do vậy, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh H Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng nghị số: 40/QĐ-HS-VC2 ngày 27/10/2017 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị để điều tra lại theo thủ tục chung.

2. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 5/2/2018.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng phúc thẩm;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn